TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ YÊN BÁI** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2022/HNGĐ-ST
Ngày 30-11-2022
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI,TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Vượng và bà Đinh Thị Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Giang – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 11 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 224/2022/TLST-HNGĐ ngày 11/10/2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/11/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22/11/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Mạnh D, sinh năm 1973 – Vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ x, phường M, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1986 - Vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ x, phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/10/2022 và quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn anh Nguyễn Mạnh D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường M, thành phố Y, tỉnh Yên Bái ngày 18/11/2015. Vợ chồng chung sống đến khoảng tháng 9 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn đã được vợ chồng tự hòa giải, hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không khắc phục được, anh và chị N đã sống ly thân từ tháng 11

năm 2017 đến nay và không còn quan tâm cuộc sống của nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng đã hết, đề nghị Toà án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị N.

Về con chung: Anh D và chị Nguyễn Thị N không có con chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng chị Nguyễn Thị N không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Do đó, trong hồ sơ vụ án không có lời khai của chị N và Tòa án không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Đây là vụ án ly hôn, bị đơn có nơi cư trú tại Tổ x, phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn chị Nguyễn Thị N đã được tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Nguyên đơn, anh Nguyễn Mạnh D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Nguyễn Mạnh D và chị Nguyễn Thị N có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Uỷ ban nhân dân phường M, thành phố Y, tỉnh Yên Bái vào ngày 18/11/2015, là hôn nhân hợp pháp. Anh D xác định quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm, đã tự hòa giải, hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng không khắc phục được, vợ chồng sống ly thân từ tháng 11 năm 2017 cho đến nay. Tòa án đã triệu tập để hòa giải tạo điều kiện cho anh chị đoàn tụ nhưng chị N không có mặt, thể hiện chị N không có thiện chí hoà giải.

Như vậy, có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa anh D và chị N đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu được ly hôn của anh D là có căn cứ, cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho anh D được ly hôn chị N.

[3] *Về con chung*: Anh Nguyễn Mạnh D và chị Nguyễn Thị N không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh Nguyễn Mạnh D không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] *Về án phí*: Anh Nguyễn Mạnh D phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Mạnh D được ly hôn Nguyễn Thị N.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Mạnh D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), anh D đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0000418, tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái ngày 10/10/2022.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND thành phố Yên Bái;
- Chi cục THADS thành phố Yên Bái;
- UBND phường Minh Tân;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, TA, HSVA.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Bùi Quang Trung